



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE CONG HUYEN
Last Middle First

Current Address 586/94 Trần Hưng Đạo, Q.5, TP HCM

Date of Birth 2/26/1941 Place of Birth Saigon

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6/25/75 To 11/11/77
4/14/87 To Present.

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 16/9/88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Saigon ngày 30/8/88

Đtin gửi như dưới giúp giúp 3 hồ sơ.

① - chị Ngô Thị Kiêm Liên, anh Bộ Tổng Tham Mưu
cu². hồ sơ anh 1 mình chị, anh là nhà văn anh sơ²
ĐED (mỹ²) - chồng chết - chị bị 10 năm tù.
Đang đi diện sơ² mỹ² mai lui - nhờ chị chuyển gởi
(với Recommendations và letter) cho Phái đoàn Haldy
ở ODP.

② Trung tá Nguyễn Xuân Vũ - đã là quân tử
anh tôi ở Vinh năm 4 năm, về tở lại sau đó.
Đã ra trại 1984. Tại cơ sở bị 6 năm tù ở mỹ²
nhưng bị bắt bị đi bị chết ở trại. Hiện có 1 vợ
khác, anh cho anh ấy cha đạo đức từ anh như bạn
gió. Con đi lên báo lỗi cho anh ấy, bị loại rồi.
Bây giờ yêu cầu 1 - cho anh đi diện refugee thay vì đoàn
tự nguyện. 2 - cho anh vợ sau này cũng được đi với
anh.

Nhờ chị chuyển giúp cơ sở 3 qua US delegation và
ODP để giúp bạn tôi (đi diện và recommendations của chị)
về 1 hồ sơ của anh chị gửi lại lại.

(3) Lũ sò and Lũ công khuyển - Trạng uy
Dang ở hai vế vãn bìn -

Và anh này xin cho anh em file gồm tiền, để
tối hôm nay ra trường, xin tiếp Lơ, Di Sau -
(Đây là hồ sơ anh em anh em anh em anh em.)

Đến chi giúp g'um -

Người này tuy các lễ-lễ tôi gởi cho chi
cho đến giờ này vẫn có lễ-lễ gởi cho chi
chỉ bao gồm đến tôi thôi, bên cho anh em

She's all over!

Spence

Rừng tôi vẫn thấy Bít què còi lơ lửng
lơ lửng quày chi, dáo tơi, bần tiện chuẩn bị cho
tôi nó. Trời lặn!

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I Basic information on applicant in Vietnam--

- 1.- Full name of ex-political prisoner: LÊ - CÔNG - HUYỀN
- 2.- Date and place of birth: February 26 - 1941 - Saigon city - SVN
- 3.- Position, rank before April 1975: QM Base 10 / ARVN, First Lieut.
Military serial number: 61/109704, Food Quality control specialist.
- 4.- Month, date, year arrested: first time: June 25 - 1975. 2nd time: 04/14 - 87
- 5.- Month, date, year out of camp: first time: Nov. 11 - 1977 - Second time: up till now, still in the camp
- 6.- Photocopy of release certificate: attached here with one copy.
- 7.- Present mailing address:

586/94 Trần Hưng Đạo street
Hamlet 5 - Saigon city

- 8.- Current address: 48 Trần Phú Street
Hamlet 4 - Saigon city



- 9.- Training: None

II. List full name, Date of birth and place of birth of ex-political prisoner and relations

Full of name	Date of birth	Place of birth	Relationship
LÊ - CÔNG - HUYỀN	Feb. 26 - 1941	Saigon	Ex-pol. prisoner
LÊ - công - Quái	Oct. 22 - 1941	Saigon	Father
Phạm - thị - Nghiêm	Nov. 01 - 1942	Saigon	Mother
Lê - thị - Ngân	Feb. 15 - 1943	Mytho	Sister
Lê - thị - Dung	June 19 - 1945	Saigon	Sister
Lê - công - Danh	1948	Saigon	Brother
Lê - thị - Ngọc Bích	Nov. 05 - 1951	Saigon	Sister
Lê - công - Kiệt	Dec. 12 - 1953	Saigon	Brother
Lê - công - Trung	June 25 - 1958	Saigon	Brother
Lê - công - Dũng	May 21 - 1961	Saigon	Brother

A. Relative to accompany with ex-political prisoner to be consisted for US country.-

Full of name	Date of birth	Place of birth	Sex	M/S	Relationship
Lê - công - Kiệt	Dec. 12 - 1953	Saigon	Male	Single	Brother
Lê - công - Trung	June 25 - 1958	Saigon	Male	Single	Brother
Lê - công - Dũng	May 21 - 1961	Saigon	Male	Single	Brother

B. Complete family listing (living/dead) of ex-pol. prisoner.

1. Father: Lê công Quà (living)
2. Mother: Phạm thị Nghiêm (living)
3. Spouse: Single
4. Children: none
5. Siblings: none

III. Relative outside Vietnam.

A. Closed relative in the U.S.: None

B. Closed relative in the other foreign country: None

IV. Have you submitted the application for family reunification until now: No

These applications have you reply from Bangkok ODO relative to the ODP for Vietnam: No

V. Comment/remarks:

During the past years, I tried many times to escape by sea to the free world but no success. The last one, I was arrested in route, and until now, I am still in the camp in the Dminh area at Kiên Giang province, so called concentration camp number 7, since April 14, 1987. I ask an political refugee in the U.S country after my release as previous on the end of this year.

South Vietnam, August 27 1988

Lê công Huyền

VI. I list here the documents attached to this questionnaire.

- 1 photo copy of my birth certificate.
- 1 photo copy of my first release certificate
- 1 photo copy of my baccalaureate of pre-1975 government.
- 1 photo copy of my officer graduation in the pre-1975 government army.

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SỞ-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

CHỖ LỚN

(NAM-PHẦN)

(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1941

(Année)

SỐ HIỆU 1631

(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	LÊ CÔNG HUYỀN
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Masculin
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Le 26-2-1941
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	4 Bd Frederic Drouhet
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Lê công Quá
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Instituteur
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân an - Chợ Lớn
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Phạm thị Nghiêm
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Sans profession
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân an - Chợ Lớn
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Premier rang

Chúng tôi, TRẦN LAM BAN
(Nous)

được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký lần của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông LÊ V. N. TIẾN
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

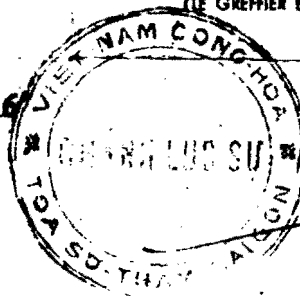
Saigon, ngày 30 - 5 - 1966

T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHẦN.

Trích y hân chánh:
(Pour extrait conforme):

Saigon, ngày 30 - 5 - 1966

KT. CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền: 53

(Coi)

Niên-lai số: 5126

(Quittance no)

Số 391/QH
*

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7

- Thực hiện chính sách khoan hồng của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đối với sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc chế độ cũ đang học tập ở các trại tập trung.
- Xét tinh thần học tập trong quá trình cải huấn biết ăn năn hối cải và phần đầu tốt.
- Xét đề nghị của đơn vị trực tiếp quản lý và hội đồng xét duyệt Quân khu thông qua.

QUYẾT ĐỊNH

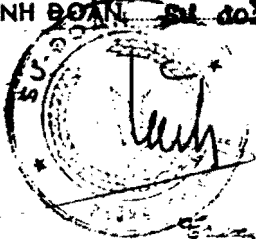
- Điều 1 — Cho **LÊ CÔNG HUYỀN** sinh **1941**
Cấp **TRUNG ÚY** số lính **61/109.704**
Chức **Trưởng Ban kiểm tra thực phẩm**
của chế độ cũ học tập tập trung tại hộp thư **3150 sông Bè**
Phải đến trình diện Công an Phường (Xã), Quận (Huyện) địa phương nơi
cư ngụ. **586/94- Trần Hưng Đạo Q.5 T.P. HỒ CHÍ MINH . Tam**
trú 3 tháng sau chịu sự điều động của Đ/P P. K. P. K. T. N. 1
- Điều 2 — Khi trở về địa phương hoặc các ngành, đơn vị nhận sử dụng phải chấp hành
tốt mọi quy định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền cơ
sở địa phương hoặc đơn vị nhận sử dụng. Thời gian quản chế **6** tháng.
sau thời gian đó nếu được chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị
xác nhận là tiến bộ và được chính quyền nơi cư trú đồng ý thì sẽ được
chính thức khôi phục quyền công dân.
- Điều 3 — Phòng quân huấn, Ban chỉ huy Trại quân huấn trực tiếp quản lý đối tượng
và đương sự chiếu quyết định thi hành.

Sao y ngày **11 / 11 / 1977**

Ngày **30** tháng **9** năm **1977**

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7
(dã ký)



Thiếu tướng : **ĐÀO SƠN TÂY**

GHI CHÚ : Giấy này không có giá trị đi đường.
Trong thời gian quản chế việc qui định
bao nhiêu ngày trình diện 1 lần do
chính quyền địa phương Xã, Phường
quĩ định.

Công an P. 22. Q. 5.

Xài tiền khi đến địa phương
có tiền báo giấy quyết định.

19/14 15. 11. 1977

Ct. P. 22.



19

Nguyễn Văn Long

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

NHA TỔNG GIÁM-ĐỐC
TRUNG TIỂU-HỌC và S. D. G. D.

Số 462/41

CHỨNG-CHỈ TÚ-TÀI PHẦN THỨ HAI

TỔNG GIÁM-ĐỐC TRUNG, TIỂU-HỌC
VÀ BÌNH-DÂN GIÁO-DỤC NHẬN THỰC-L

Lê Công-Huyền

sinh ngày 26 tháng 02 năm 1941

tại tỉnh Chợ-Lớn

đã trúng tuyển kỳ thi TÚ TÀI PHẦN THỨ HAI

Ban Đề-hoà-học Đoạn B

hạng Thứ

Khóa ngày 11. 7. 1961 tại Saigon

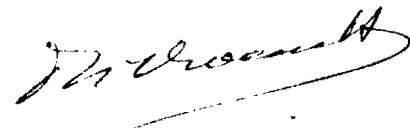
với điều-kiện được Ông **Bộ - Trưởng Quốc - Gia**

Giáo - Dục phê chuẩn.

Saigon, ngày 14 tháng 8 năm 1961

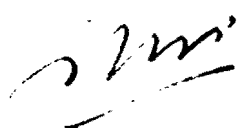
Pho' TỔNG GIÁM-ĐỐC

Trung Tiểu-Học và Bình-Dân Giáo-Dục,



Người lập chứng-chỉ

Chủ-Sự Phòng Khảo-Thí và Học-Bổng



CƯỚC-CHỮ : Chứng-chỉ này chỉ cấp cho mỗi người một lần

Chiếu Hiến Pháp ngày 1-4-1967,

Chiếu Nghị-Định số 101-TTM/ND ngày 05-3-1969 của Bộ Tổng Tham-Mưu.

N G H Ị - Đ Ị N H

Điều 1. - Những Thiếu Ủy TB thuộc kh. 24 sĩ-quan TB Thủ-Độc có tên sau đây
2 năm thêm niên cấp bậc được định nhiên thăng cấp Trung-Ủy TB thuộc th. 1-3-1971 :

180.- Th. Ủy TB PHẠM-HUY-CƯỜNG 59/151.432 TT/KS/Kỹ-Thuật Quân-Nhu.

479.- Th. Ủy TB NGUYỄN-ĐỨC-HÙNG 61/212.795 TT/KS/Kỹ-Thuật Quân-Nhu.

522.- " LÊ-CÔNG-HUYỀN 61/109.704 -nt-

929.- " VÕ-TẤN-QUAN 62/119.481 -nt-

Điều 2. - Tham-Mưu-Trưởng Bộ Tổng Tham-Mưu Chiếu nhiệm vụ thi hành nghị định này
KBC. 4.002, ngày 13-3-1971

~~PHẠM-HUY-CƯỜNG~~
~~PHẠM-HUY-CƯỜNG~~ ~~PHẠM-HUY-CƯỜNG~~ ~~PHẠM-HUY-CƯỜNG~~

~~ĐẠI-TƯỚNG CAO-VĂN-VIÊN~~
TỔNG THAM-MƯU TRƯỞNG QLVNCH
(Ký tên và đóng dấu)

TRÍCH SAO Y

KBC, 4.714, ngày
KT Đại-Tá NGUYỄN-TỬ-ĐOÀ
Cục-Trưởng Cục Quân-Nhu QLVNCH
Trung-Tá TRẦN-ĐỨC-HẠNH
Chánh-Sĩ Vụ Sở Hành-Chánh Tổ-Chức
(Ký tên và đóng dấu)

TRÍCH SAO Y

KBC, 3.052, ngày 12-3-1971



V. THIẾU-TS HUYNH-VĂN-ĐƠN
Chỉ-Huy Trưởng
Trung-Đoàn Khảo-Sát Kỹ-Thuật Quân-Nhu
Đại-Ủy PHẠM-VĂN-HÀ
Chỉ-Huy Phó

[Handwritten signature]

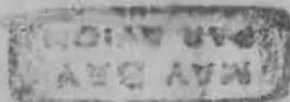
from: Nguyễn Xuân Viên
137/2h A Âu Dương Lân
Phường 2 - Quận 8
TP. Hồ Chí Minh
—

DHN

TO: MR. NGUYỄN VĂN GIỚI² (B)

PO Box 5435 - ARLINGTON

VA. 22205-0635



SEP 16 1999

USA



CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
☒ Computer 2/12/81
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter